

Số: 200/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 13 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2025/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Chu Thị T, sinh năm 1983; số CCCD: 042183xxxxxx cấp ngày 04/11/2024; Nơi cấp: Bộ công an

HKTT: Phòng 65 – E5 T, phường P, thành phố H.

Hiện trú: Số 235 đường đê T, phường H, thành phố H.

- **Bị đơn:** Ông Trần Đình T, sinh năm 1965; số CCCD: 001065xxxxxx cấp ngày 23/01/2025; Nơi cấp: Bộ công an

HKTT: Phòng 65 – E5 T, phường P, thành phố H.

Hiện trú: Tòa nhà S1.06 1715 VO, xã G, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận

đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Chu Thị T và ông Trần Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà T và ông T xác định có 03 con chung là Trần Thúy Qu sinh ngày 02/2/2005, cháu Trần Như K sinh ngày 12/7/2008 và cháu Trần Đình B sinh ngày 10/4/2012. Cháu Q đã trưởng thành trên 18 tuổi. Còn cháu K và cháu B ông bà thống nhất ông T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 cháu K và B, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của bà T đối với cháu K và cháu B đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Bà T có quyền, nghĩa vụ đi lại chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Chu Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí HN&GDST ngày 04/9/2025 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6250 tại Thị hành án dân sự thành phố H nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực V – H;
- THADS thành phố H;
- UBND phường P (GCNKH số 45/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Hương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).